

CÔNG TY TNHH MTV BÌNH MINH VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV BÌNH MINH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM SUNRISE MTV COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIET NAM SUNRISE MTV CO. LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108681097

3. Ngày thành lập: 08/04/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 128 Phố Trung Hòa, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
2.	Khai thác và thu gom than non	0520
3.	Khai thác dầu thô	0610
4.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
5.	Khai thác quặng sắt	0710
6.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium (chỉ kinh doanh khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	0721
7.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
8.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
9.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
10.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
11.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
12.	Khai thác muối	0893
13.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
16.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
17.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
18.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
19.	In ấn	1811
20.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
21.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
22.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392

23.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
24.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
25.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
26.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
27.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
28.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
29.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
30.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
31.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
32.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
33.	Xây dựng nhà để ở	4101
34.	Xây dựng nhà không để ở	4102
35.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
36.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
37.	Xây dựng công trình điện	4221
38.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
39.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
40.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
41.	Xây dựng công trình thủy	4291
42.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
43.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
44.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
45.	Phá dỡ	4311
46.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
47.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
48.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
49.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
50.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
51.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
52.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511(Chính)
53.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
54.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
55.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
56.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
57.	Bán mô tô, xe máy	4541
58.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4610
59.	Bán buôn đồ uống	4633

60.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
61.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
62.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
63.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
64.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
65.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
66.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
67.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
68.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
69.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
70.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
71.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
72.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
73.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
74.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
75.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
76.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
77.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
78.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
79.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
80.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
81.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
82.	Cơ sở lưu trú khác	5590
83.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
84.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
85.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	6820
86.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
87.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
88.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
89.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
90.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
91.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830

92.	Đại lý du lịch	7911
93.	Điều hành tua du lịch	7912
94.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
95.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
96.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
97.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
98.	Hoạt động thể thao khác	9319
99.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
100.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
101.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
102.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
103.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LÊ ĐỨC MINH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 04/06/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 033081004033

Ngày cấp: 27/07/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: CH 1510 – Tầng 15 – Tòa CT1 TDP 17, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: CH 1510 – Tầng 15 – Tòa CT1 TDP 17, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ ĐỨC MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/06/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 033081004033

Ngày cấp: 27/07/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: CH 1510 – Tầng 15 – Tòa CT1 TDP 17, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: CH 1510 – Tầng 15 – Tòa CT1 TDP 17, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội